

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00056073	
Analytical Report :	AR-23-VD-060382-01-EN / EUVNHC-00213838	

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY	
Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City	
Dong Nai Province, VIETNAM	

Sample described as:	NƯỚC MÍA TẮC TỰ NHIÊN MÍA - HA
Conditioning:	Finished product
Sample reception date:	11/05/2023
Analysis Time :	12/05/2023 - 22/05/2023
Client due date :	18/05/2023
Your purchase order reference:	NA9J230510826
Eol sample code :	005-32410-198835

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD129 VD (a) Carbohydrates	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-5237 (FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2, section 2.3:2003)	12.3
2	VD165 VD (a) Fat	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Not detected (LOD=0.1)
3	VD263 VD (a) Protein	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	Traces (<0.3)
4	VD543 VD Energy value (kcal)	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	50
5	VD1KX VD (a) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/ 100 ml	AOAC 2012.21	9.98
6	VD210 VD (a) Moisture	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.2
7	VD297 VD (a) Ash	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.26
8	VD093 VD Polyphenols (total)	mg/ 100 ml	TCVN 9745-1:2013 (ISO 14502-1:2005)	46.0
9	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Not detected (LOD=10)
10	VD255 VD (a) Potassium (K)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	40.3
11	VD279 VD (a) Sodium (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	16.8

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE	
	
Nguyễn Anh Vũ HCMC Lab Manager	Lý Hoàng Hải General Manager Food & Feed Testing Vietnam



Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 23/05/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 23/05/2023.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 09

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofins.com

Effective date: 01/02/2023

ANALYTICAL REPORT

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.

Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.

The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.

All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.

"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00056073
Mã số kết quả : AR-23-VD-060382-01-VI / EUVNHC-00213838



Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : NƯỚC MÍA TẮC TỰ NHIÊN MÍA - HA
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 11/05/2023
Thời gian thử nghiệm : 12/05/2023 - 22/05/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 18/05/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J230510826
Mã số mẫu Eol : 005-32410-198835

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD129 VD (a) Carbohydrates	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-5237 (FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2, section 2.3:2003)	12.3
2	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)
3	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 ml	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	Phát hiện vết (<0.3)
4	VD543 VD Năng lượng	kcal/ 100 ml	FAO 2003 77	50
5	VD1KX VD (a) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/ 100 ml	AOAC 2012.21	9.98
6	VD210 VD (a) Độ ẩm	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3496	92.2
7	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.26
8	VD093 VD Polyphenol (Tổng)	mg/ 100 ml	TCVN 9745-1:2013 (ISO 14502-1:2005)	46.0
9	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
10	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500	40.3
11	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 ml	EVN-R-RD-2-TP-3500	16.8

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc Food & Feed Testing Vietnam

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/05/2023.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.

Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.

Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

